

TÒA ÁN NHÂN DÂN

HUYỆN Đ

TỈNH LĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 52/2022/DS - ST

Ngày: 19/9/2022

V/v: “*tranh chấp hợp đồng dân
sự vay tài sản và nợ hui*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH LĐ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Lê Thị Thanh Vũ

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Cao Đình Nhân

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc

- Thư ký phiên tòa: ông Mai Vũ Hoài Phương - Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Đ.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh LĐ tham gia phiên tòa: bà Bùi Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 219/2022/TB-TLVA ngày 28 tháng 7 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản và nợ hui theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 219/2022/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* bà Lê Thị T, sinh năm 1964

Địa chỉ: xóm 2, thôn ĐN, xã NG, huyện Đ, tỉnh LĐ.

2. *Bị đơn:* bà Nguyễn Thị Cẩm T, sinh năm 1981

Hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh LĐ.

(bà T có mặt; bà T có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình thu thập chứng cứ cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị T trình bày: bà có tham gia một số phần hội (huê) do bà Nguyễn Thị Cẩm T làm chủ cái hội (huê), cụ thể:

- Dây hội 5.000.000đồng/tháng, bắt đầu ngày 15/01/2019 âm lịch, dây hội gồm 18 phần, bà tham gia 01 chân hội và đã đóng được 16 tháng, số tiền hàng tháng đóng khoảng gần 4.000.000đồng bà không nhớ rõ số cụ thể, nay bà T khai thông thường mỗi tháng đóng 3.800.000đồng thì bà cũng đồng ý với số tiền này và yêu cầu bà T trả bà số tiền bà đã đóng của dây hội này là (16 x 3.800.000đồng) thành tiền 60.800.000đồng.

- Dây hội 2.000.000đồng/tháng, bắt đầu ngày 25/10/2019 âm lịch, dây hội gồm 18 phần, bà tham gia 01 chân hội và đã đóng được 09 tháng, số tiền hàng tháng đóng hơn 1.500.000đồng bà không nhớ rõ số cụ thể, nay bà T khai thông thường mỗi tháng đóng 1.500.000đồng thì bà cũng đồng ý với số tiền này và yêu cầu bà T trả bà số tiền bà đã đóng của dây hội này là (09 x 1.500.000đồng) thành tiền 13.500.000đồng.

- Dây hội 2.000.000đồng/tháng, bắt đầu ngày 20/2/2020 âm lịch, dây hội gồm 18 phần, bà tham gia 01 chân hội và đã đóng được 04 tháng, số tiền hàng tháng đóng hơn 1.500.000đồng bà không nhớ rõ số cụ thể, nay bà T khai thông thường mỗi tháng đóng 1.500.000đồng thì bà cũng đồng ý với số tiền này và yêu cầu bà T trả bà số tiền bà đã đóng của dây hội này là (04 x 1.500.000đồng) thành tiền 6.000.000đồng.

- Dây hội 2.000.000đồng/tháng ngày 20/11/2019 âm lịch, dây hội gồm 18 phần, bà tham gia 01 chân hội và đã đóng được 07 tháng, số tiền hàng tháng đóng hơn 1.500.000đồng bà không nhớ rõ số cụ thể, nay bà T khai thông thường mỗi tháng đóng 1.500.000đồng thì bà cũng đồng ý với số tiền này và yêu cầu bà T trả bà số tiền bà đã đóng của dây hội này là (07 x 1.500.000đồng) thành tiền 10.500.000đồng.

Tổng cộng số tiền bà đã đóng cho các dây hội trên là 90.800.000đồng

-Đối với dây hội 1.000.000đồng/tháng, dây hội gồm 18 phần, bà tham gia 01 chân hội và đã đóng được 12 tháng nhưng bà T không nhớ dây hội này và bà cũng không lưu lại giấy tờ gì nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với số tiền hội bà đã đóng của dây hội 1.000.000đồng này nữa.

Ngoài ra, ngày 20/02/2020 bà có cho bà T vay số tiền 75.000.000đồng, hẹn khi nào bà cần thì bà T sẽ trả nợ cho bà. Tuy nhiên đến nay bà T vẫn không chịu trả cho bà.

Nay bà khởi kiện yêu cầu bà T trả cho bà tổng số tiền nợ hội (huê) 90.800.000đồng và 75.000.000đồng tiền nợ vay gốc; tổng cộng 165.800.000đồng.

Bà yêu cầu rút phần khởi kiện đối với dây hụi 1.000.000đồng/tháng, dây hụi gồm 18 phần, bà tham gia 01 chân hụi và đã đóng được 12 tháng. Ngoài ra, bà T không trình bày và yêu cầu gì thêm.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Cẩm T đã được Tòa án tiến hành tổng đạt các thủ tục hợp lệ nhưng bà T có đơn xin vắng mặt và có trình bày như sau:

Bà T có bản tự khai và Tòa án lấy lời khai thì bà T khai có cầm cái hụi và bà T có tham gia các dây hụi như bà T khai. Bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cụ thể như sau:

- Đối với dây hụi 5.000.000đồng, bắt đầu ngày 15/01/2019 âm lịch thì bà T đã đóng 16 tháng và sau khi đóng 5.000.000đồng tháng thì mỗi tháng đóng 3.800.000đồng/tháng.

- Đối với dây hụi 2.000.000đồng, bắt đầu ngày 25/10/2019 âm lịch thì bà T đã đóng 09 tháng và sau khi đóng 2.000.000đồng tháng thì mỗi tháng đóng khoảng 1.500.000đồng/tháng.

- Đối với dây hụi 2.000.000đồng, bắt đầu ngày 20/11/2019 âm lịch thì bà T đã đóng 07 tháng và sau khi đóng 2.000.000đồng tháng thì mỗi tháng đóng khoảng 1.500.000đồng/tháng.

- Đối với dây hụi 2.000.000đồng, bắt đầu ngày 20/02/2020 âm lịch thì bà T đã đóng 04 tháng và sau khi đóng 2.000.000đồng tháng thì mỗi tháng đóng khoảng 1.500.000đồng/tháng.

Bà T đồng ý trả cho bà T số tiền hụi đã đóng thực tế của 04 dây hụi nêu trên

Đối với dây hụi 1.000.000đồng mà bà T khai thì bà T không nhớ nên yêu cầu Tòa án căn cứ chứng cứ để giải quyết theo quy định.

Ngoài ra bà có vay của bà T số tiền 75.000.000đồng.

Nay bà T khởi kiện yêu cầu bà trả cho bà nợ hụi và nợ vay thì bà đồng ý trả nợ vay 75.000.000đồng và tất cả số tiền hụi đã đóng thực tế của 04 dây hụi nêu trên.

Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà T vắng mặt nên không tiến hành được.

Tại phiên tòa:

Bà T yêu cầu bà T trả cho bà tiền nợ hụi (huê) 90.800.000đồng và 75.000.000đồng tiền nợ vay gốc; tổng cộng 165.800.000đồng và bà trình bày bổ sung là tất cả các dây hụi do bà T làm cái bà có tham gia chơi hụi là hụi hưởng hoa hồng chứ không phải dây hụi áp cái. Bà xin rút phần yêu cầu đối với dây hụi

1.000.000đồng/tháng, dây hui gồm 18 phần, bà tham gia 01 chân hui và đã đóng được 12 tháng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử, cụ thể: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự phiên tòa sơ thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Đương sự có mặt tại phiên tòa đã chấp hành đúng nội quy phiên tòa theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hui, biêu, phường và Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015 và Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T; buộc bà Nguyễn Thị Cẩm T phải trả cho bà Lê Thị T số tiền nợ hui (huê) 90.800.000đồng và 75.000.000đồng tiền nợ vay gốc; tổng cộng 165.800.000đồng. Bà Nguyễn Thị Cẩm T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Đình chỉ giải quyết yêu cầu đối với dây hui 1.000.000đồng/tháng, dây hui gồm 18 phần, bà tham gia 01 chân hui và đã đóng được 12 tháng của bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả thẩm tra tại phiên tòa cũng như ý kiến tranh luận của đương sự, ý kiến Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng*: bị đơn, bà Nguyễn Thị Cẩm T vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

[2] *Về quan hệ tranh chấp*: xuất phát từ việc giữa bà Lê Thị T và bà Nguyễn Thị Cẩm T có quan hệ vay mượn tiền và tham gia chơi hui với nhau. Trong quá trình vay mượn và chơi hui với nhau do bà T làm chủ cái hui thì bà T còn nợ tiền vay và nợ tiền hui, đến thời hạn thanh toán số tiền vay và nợ hui phải trả lại nhưng bà T không trả cho bà T. Vì vậy bà T khởi kiện yêu cầu bà T trả cho bà tiền nợ hui. Tại phiên tòa, bà T yêu cầu bà T trả cho bà tiền nợ hui (huê) 90.800.000đồng và 75.000.000đồng tiền nợ vay gốc; tổng cộng 165.800.000đồng và bà trình bày bổ sung là tất cả các dây hui do bà T làm cái bà có tham gia chơi hui là hui hưởng hoa hồng chứ không phải dây hui áp cái. Bà xin rút phần yêu cầu đối với dây hui 1.000.000đồng/tháng, dây hui gồm 18 phần, bà tham gia 01 chân hui và đã đóng được 12 tháng, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là “tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản và nợ hui”. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh

LĐ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp và yêu cầu của đương sự:

Qua xem xét lời khai của đương sự, đối chiếu với tài liệu, chứng cứ do đương sự xuất trình, thấy rằng: chứng cứ do nguyên đơn xuất trình là giấy xác nhận nợ ngày 20/2/2020 âm lịch (bản chính); xác nhận tham gia chơi hụi (hụi) ngày 15/1/2019 âm lịch, hụi 5.000.000đồng (gồm 18 phần); xác nhận tham gia chơi hụi (hụi) ngày 20/2/2020 âm lịch, hụi 2.000.000đồng (gồm 18 phần); xác nhận tham gia chơi hụi (hụi) ngày 20/11/2019 âm lịch, hụi 2.000.000đồng (gồm 18 phần); xác nhận tham gia chơi hụi (hụi) ngày 25/10/2019 âm lịch, hụi 2.000.000đồng (gồm 18 phần) (tất cả bản chính) và có chữ ký và chữ viết xác nhận của bên vay là bà Nguyễn Thị Cẩm T và bà T cũng thừa nhận có vay của bà T 75.000.000đồng và có làm chủ cái nhiều dây hụi và bà T có tham gia chơi hụi với bà và hiện bà còn nợ bà T tiền hụi như bà T khai. Như vậy có đủ căn cứ để khẳng định việc bà T có cho bà T vay tiền 75.000.000đồng và bà T có tham gia chơi hụi do bà T làm chủ cái hụi là có xảy ra trên thực tế.

[3.1] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tổng đạt hợp lệ cho bà T nhưng bà T có đơn xin vắng mặt có trình bày đồng ý trả nợ 75.000.000đồng nợ vay và tiền nợ hụi như yêu cầu của bà T.

[3.2] Do bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết mặc dù bà T đã yêu cầu phải trả nợ nhiều lần nên bà T kiện yêu cầu bà T phải trả lại số tiền nợ gốc là 75.000.000đ nợ vay và tiền nợ hụi (huê) 90.800.000đồng là phù hợp quy định pháp luật nên cần chấp nhận.

Đối với yêu cầu tính lãi suất: quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

Từ những nhận định và phân tích như trên, cần buộc bà Nguyễn Thị Cẩm T phải trả cho bà Lê Thị T số tiền 75.000.000đ nợ vay gốc và tiền nợ hụi (huê) 90.800.000đồng; tổng cộng 165.800.000đồng.

[4] Về án phí: do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên tổng số tiền phải trả cho nguyên đơn là 165.800.000đồng x 5% = 8.290.000đồng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh LD;
- VKS nhân dân huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thanh Vũ

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Ngọc

Cao Đình Nhân

Lê Thị Thanh Vũ

